

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp và lắp đặt hệ thống điện cấp nguồn cho bếp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp nguồn cho bếp điện từ tại lầu 3, lầu 4 khu A

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục

3. Thời gian thực hiện công việc: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng, lắp đặt và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16. giờ, ngày 21/.../2025.

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, hầm 1, khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Trần Văn Đức

Số điện thoại: 0909690529

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J09-102-dttthao) (01).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày tháng năm 2025)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tủ điện 1	cái	1
2	Tủ điện 2	cái	1
3	Tủ điện 3	cái	1
4	MCCB 4P 400A	cái	1
5	Dây điện CXV 150 mm ²	m	530
6	Dây điện CXV 50 mm ²	m	178
7	Dây điện CXV 25 mm ²	m	12
8	Dây điện CV 10 mm ²	m	38
9	Dây điện CV 6.0 mm ²	m	532
10	Dây điện CV 4.0 mm ²	m	2.637
11	Máng cáp 150 x 100 mm	m	40
12	Máng cáp 100 x 50 mm	m	34
13	Máng cáp 50 x 30 mm	m	88
14	Hộp đấu nối có domino 5	cái	11
15	Hộp đấu nối có domino 10	cái	4
16	Hộp đấu nối có domino 15	cái	3
17	Vật tư phụ	trọn gói	1
18	Dịch vụ liên quan	trọn gói	1

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày tháng năm 2025)

1. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
1.	Tủ điện 1	1. Vỏ tủ: – Kích thước danh định: Ngang 1200 mm x cao 1500 mm, sâu 325 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: Kim loại sơn tĩnh điện, 2 lớp cửa, có khóa – Loại: lắp nổi, treo tường, 2 cánh – Có 3 đèn báo pha – Có đồng hồ hiển thị V/A (đã bao gồm biến dòng) – Có thanh cái đầu nổi từng pha – Có nút nhấn khẩn tác động đến MCCB tổng khi gặp sự cố – Có 1 vị trí dự phòng, đập lỗ sẵn cho MCCB 50 A 2. MCCB 4P-400A: 1 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 400 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 50 kA – Số cực: 4P – Có bộ bảo vệ quá dòng cho phép điều chỉnh – Có chức năng cắt khẩn thông qua nút nhấn khẩn 3. MCCB 4P-40 A: 1 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 40 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P 4. MCCB 4P-25 A: 13 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 25 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P 5. MCCB 4P-32 A: 3 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 32 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P 6. RCCB 4P-63 A: 1 cái

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		– Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 63 A – Dòng rò: 30 mA $\pm$ 10 – Số cực: 4 7. RCCB 4P-40 A: 16 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 40 A – Dòng rò: 30 mA $\pm$ 10 – Số cực: 4
2.	Tủ điện 2	1. Vỏ tủ: – Kích thước: Ngang 1100 mm x cao 1500 mm, sâu 325 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: kim loại, sơn tĩnh điện, 2 lớp cửa có khóa – Loại: lắp nổi, treo tường, 2 cánh – Có 3 đèn báo pha – Có đồng hồ hiển thị V/A (đã bao gồm biến dòng) – Có thanh cái đấu nối từng pha – Có nút nhấn khẩn tác động đến MCCB tổng khi gặp sự cố – Có 1 vị trí dự phòng, đập lỗ sẵn cho MCCB 50 A 2. MCCB 4P- 250 A: 1 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 250 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 36 kA – Số cực: 4P – Có bộ bảo vệ quá dòng cho phép điều chỉnh – Có chức năng cắt khẩn thông qua nút nhấn khẩn 3. MCCB 4P 25 A: 8 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 25 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P 4. MCCB 4P 32 A: 2 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 32 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		5. RCCB 4P-40 A: 10 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 40 A – Dòng rò: $30 \text{ mA} \pm 10$ – Số cực: 4P
3.	Tủ điện 3	1. Vỏ tủ: – Kích thước: Ngang 600 mm x cao 700 mm, sâu 250 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: kim loại, sơn tĩnh điện, 2 lớp cửa có khóa – Loại: lắp nổi, treo tường, 1 cánh – Có 3 đèn báo pha – Có đồng hồ hiển thị V/A (đã bao gồm biến dòng) – Có thanh cái đấu nối từng pha – Có nút nhấn khẩn tác động đến MCCB tổng khi gặp sự cố – Có 1 vị trí dự phòng, dập lỗ sẵn cho MCCB 50 A 2. MCCB 4P-75 A: 1 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 75 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P – Có bộ bảo vệ quá dòng cho phép điều chỉnh – Có chức năng cắt khẩn thông qua nút nhấn khẩn 3. MCCB 4P 25 A: 3 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 25 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 kA – Số cực: 4P 4. RCCB 4P-40 A: 3 cái – Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 40 A – Dòng rò: $30 \text{ mA} \pm 10$ – Số cực: 4
4.	MCCB 4P-400A	– Điện áp danh định: 380 V – Dòng điện định mức: ≥ 400 A – Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 36 kA – Số cực: 4P

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		– Có bộ bảo vệ quá dòng cho phép điều chỉnh - Mã hàng C40F47E400, nhãn hiệu Schneider hoặc tương đương
5.	Dây điện CXV 150 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 150 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 1,4$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 90^{\circ}\text{C}$
6.	Dây điện CXV 50 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 50 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 1,0$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 90^{\circ}\text{C}$
7.	Dây điện CXV 25 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 25 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 0,9$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 90^{\circ}\text{C}$
8.	Dây điện CV 10 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 10 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 1,0$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$
9.	Dây điện CV 6.0 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 6,0 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 1,0$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$
10.	Dây điện CV 4.0 mm ²	– Tiết diện danh nghĩa: 4,0 mm² – Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1$ Kv – Chiều dày cách điện danh nghĩa: $\geq 1,0$ mm – Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$
11.	Máng cáp 150 x 100 mm	– Kích thước: 150 x 100 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: Kim loại, sơn tĩnh điện
12.	Máng cáp 100 x 50 mm	– Kích thước: 100 x 50 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: Kim loại, sơn tĩnh điện
13.	Máng cáp 50 x 30 mm	– Kích thước: 50 x 30 mm, dày 1,5 mm – Chất liệu: Kim loại, sơn tĩnh điện
14.	Hộp đấu nối có domino 5	– Chất liệu: nhựa ABS có nắp – Loại: lắp nổi

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		– Bên trong lắp domino 32A, có tối thiểu 5 vị trí đầu nối
15.	Hộp đầu nối có domino 10	– Chất liệu: nhựa ABS có nắp – Loại: lắp nổi – Bên trong lắp domino 32 A, có tối thiểu 10 vị trí đầu nối
16.	Hộp đầu nối có domino 15	– Chất liệu: nhựa ABS có nắp – Loại: lắp nổi – Bên trong lắp domino 32 A, có tối thiểu 15 vị trí đầu nối
17.	Vật tư phụ	– Co, tê, ty treo, đầu nối cáp, chụp nhựa đầu cáp, dây điện đầu nối và các vật tư phụ để hoàn thành việc lắp đặt các vật tư trên theo bản vẽ đính kèm.
18.	Dịch vụ liên quan	– Lắp đặt tất cả các vật tư trên để hoàn thiện hệ thống theo bản vẽ đính kèm.

5. Yêu cầu khác

- Hàng hóa mới 100%.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu.
- Giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Tất cả hàng hóa phải được nhà thầu hoàn thành lắp đặt trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng.
- Nhà thầu cần khảo sát thực tế để đưa ra phương án trước khi thực hiện.
- Kiểm tra hàng hóa khi giao nhận: Kiểm tra số lượng, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu.
- Kiểm tra sau khi hoàn thành lắp đặt: Kiểm tra hệ thống bằng phương pháp đo dòng rò, đo điện áp... Nếu không đáp ứng yêu cầu trên, nhà thầu phải khắc phục cho đến khi được Bệnh viện nghiệm thu.
- Nhà thầu phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc lắp đặt và hoàn thiện.
- Dây điện và máng cáp trên bản vẽ, Bệnh viện lấy khối lượng theo đường thẳng, do đó Nhà thầu phải tự cân đối số lượng đủ đáp ứng cho gói thầu theo thực tế mà không được tính phát sinh thêm bất cứ chi phí nào.
- Nhà thầu bố trí 1 kỹ sư điện có kinh nghiệm để giám sát thi công hệ thống điện.
- Nhân sự thực hiện công việc phải được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Nhà thầu phải có mặt trong vòng 24 giờ sau khi nhận được thông báo của Bệnh viện để khắc phục sự cố.
- Nhà thầu phải xác nhận hiện trạng xung quanh, nếu trong quá trình thực hiện nhà thầu làm hư hỏng tài sản của Bệnh viện thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục và mọi chi phí liên quan.
- Nhà thầu phải chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an ninh, quy định của Bệnh viện, giữ trật tự, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy trong quá trình

thực hiện và không được hút thuốc bên trong Bệnh viện. Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm trong bất cứ sự cố, tai nạn nào liên quan đến quá trình thực hiện và chịu mọi mức phạt theo quy định hiện hành.

- Tác phong làm việc lịch sự, hòa nhã, tuân thủ mọi hướng dẫn của nhân viên Bệnh viện. Nếu vi phạm, nhân sự đó phải lập tức rời khỏi và không được tiếp tục công việc tại Bệnh viện.

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

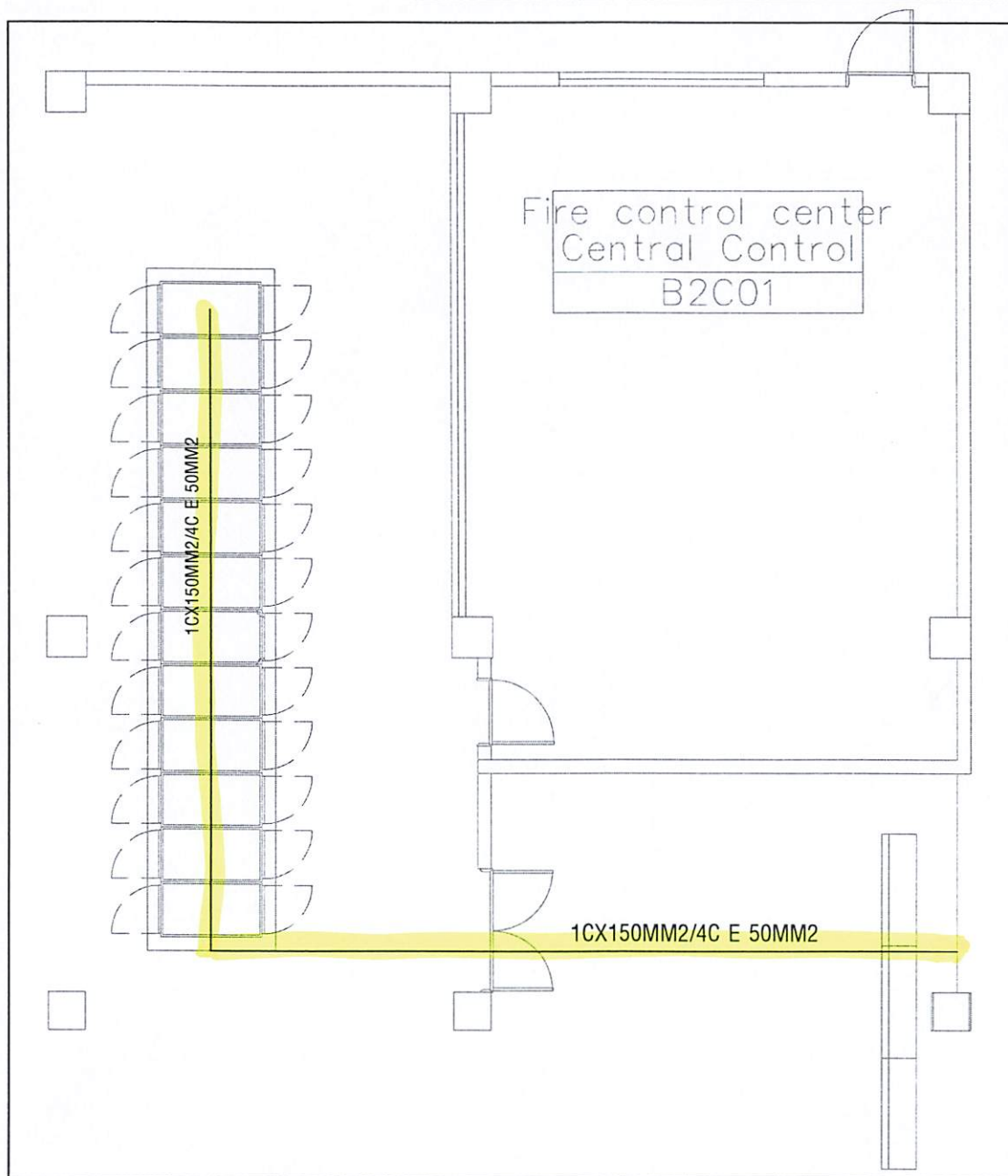
Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(10)*(9)
1									
2									
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác									

- Đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu khác của Bệnh viện theo thư mời chào giá.
- Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / 2025 đến ngày / /2025.

Ngày ... thángnăm 2025
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT





MẶT BẰNG THI CÔNG CÁP ĐIỆN

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ *20/1*

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BẢN VẼ

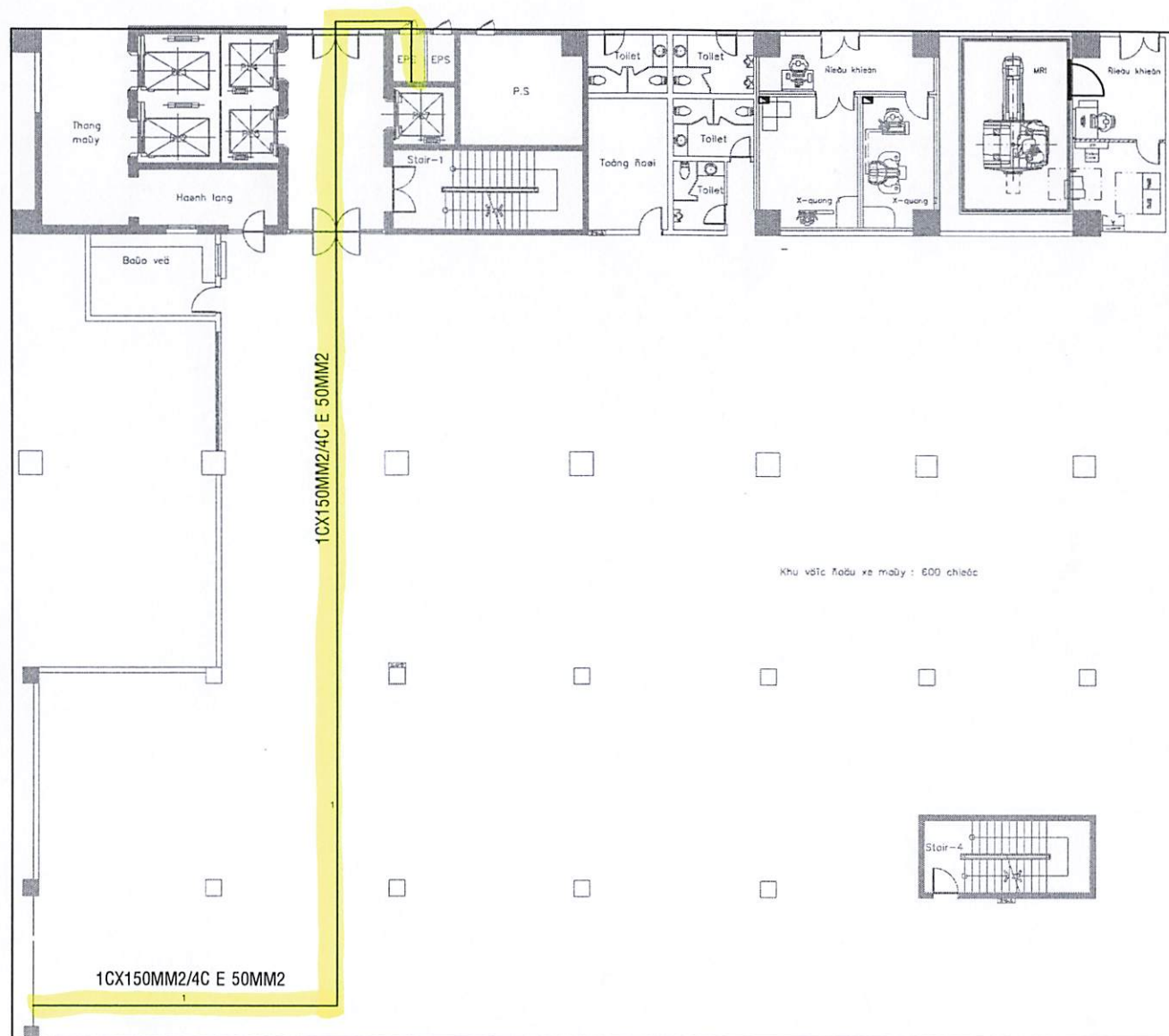
MẶT BẰNG CÁP NGUỒN
BẾP CHÍNH LẦU 3

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ :

Đ B - 01

HOÀN THÀNH : NGÀY



MẶT BẰNG THI CÔNG CÁP ĐIỆN

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BẢN VẼ

MẶT BẰNG CÁP NGUỒN
 BẾP CHÍNH LẦU 3

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 02

HOÀN THÀNH : NGÀY

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ *2dl*

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

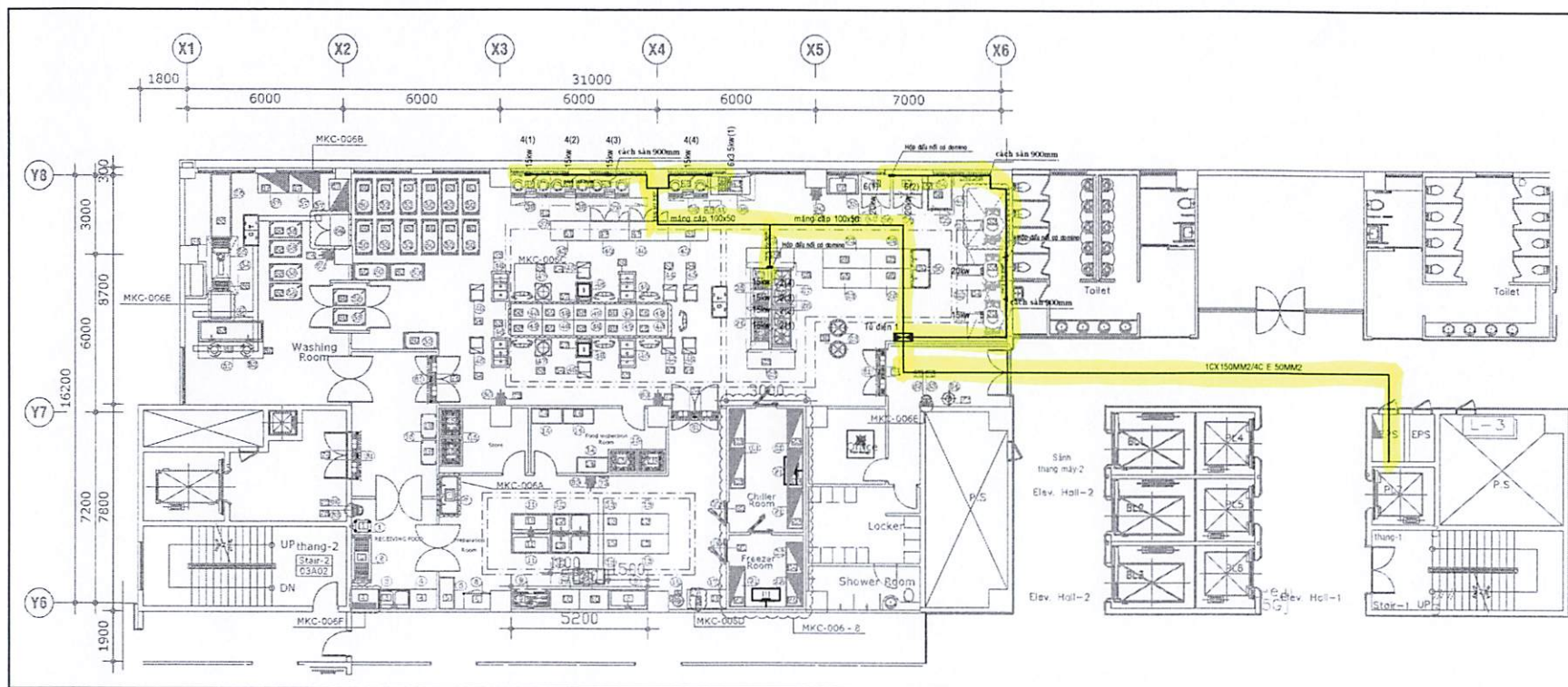
BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẤP NGUỒN
BỀ CHÍNH LẦU 3

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 03

HOÀN THÀNH : NGÀY



MẶT BẰNG THI CÔNG CÁP ĐIỆN

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

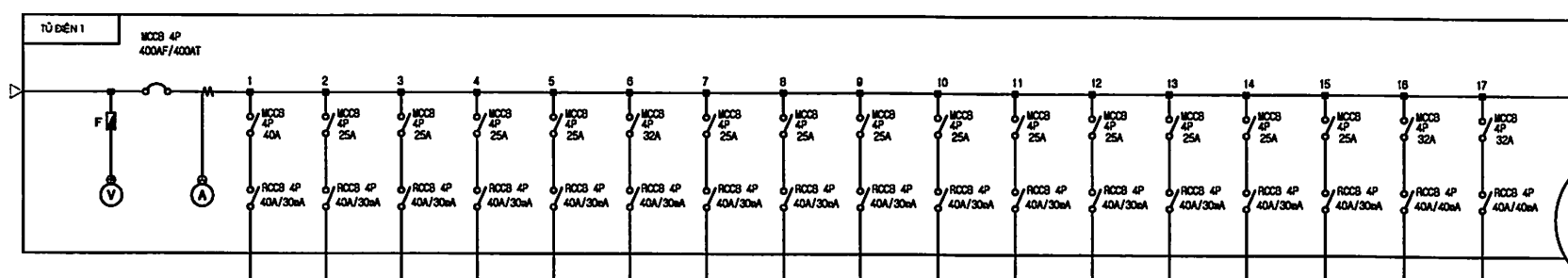
BẢN VẼ

SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI ĐIỆN BẾP CHÍNH

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 04

HOÀN THÀNH : NGÀY



UNIT NO.
LOAD NAME
CABLE SIZE (mm²)
REMARK

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	2(1)	2(2)	2(3)	2(4)	3	4(1)	4(1)	4(2)	4(2)	4(3)	4(3)	4(4)	4(4)	5	6(1)	6(2)
4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²	4x1Cablemm² E4mm²
BẾP ĐIỆN TỬ 4 VÙNG NẤU	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO LỚN	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP ĐIỆN TỬ DΩ MẮT LÒM CHẢO NHỎ	BẾP HẤM ĐIỆN TỬ	TỦ CƠM ĐIỆN TỬ	TỦ CƠM ĐIỆN TỬ

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ *20/*

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

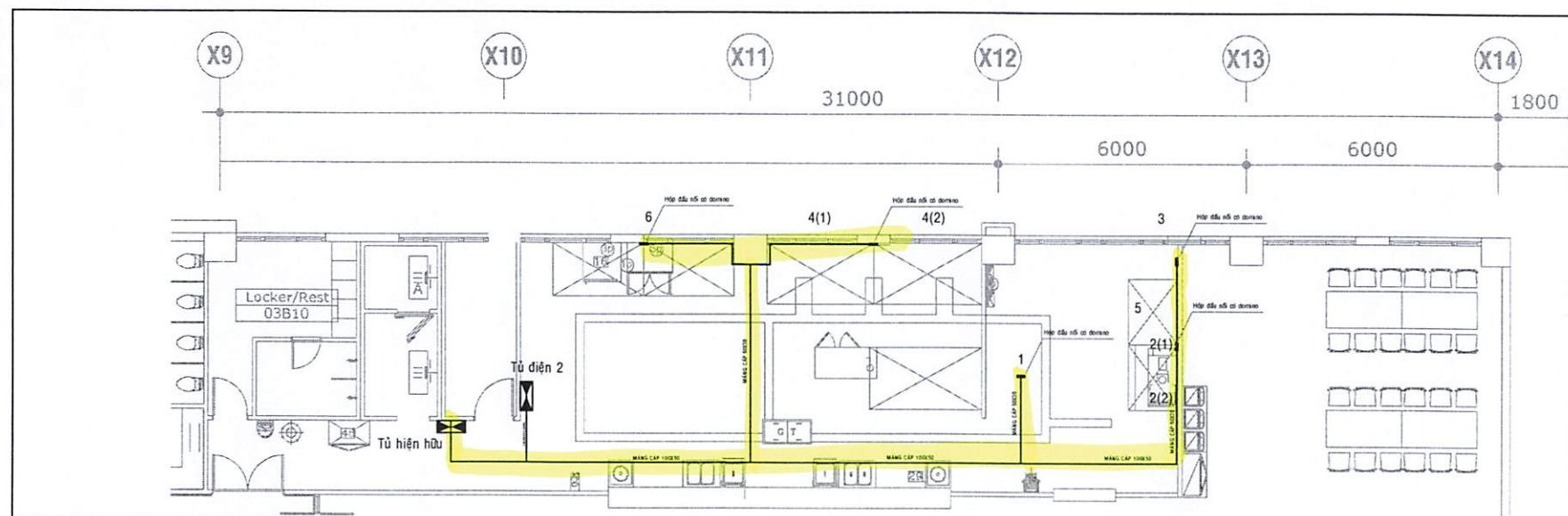
BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẤP NGUỒN
BẾP KHÁCH LẦU 3

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 05

HOÀN THÀNH : NGÀY



MẶT BẰNG THI CÔNG CẤP ĐIỆN

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

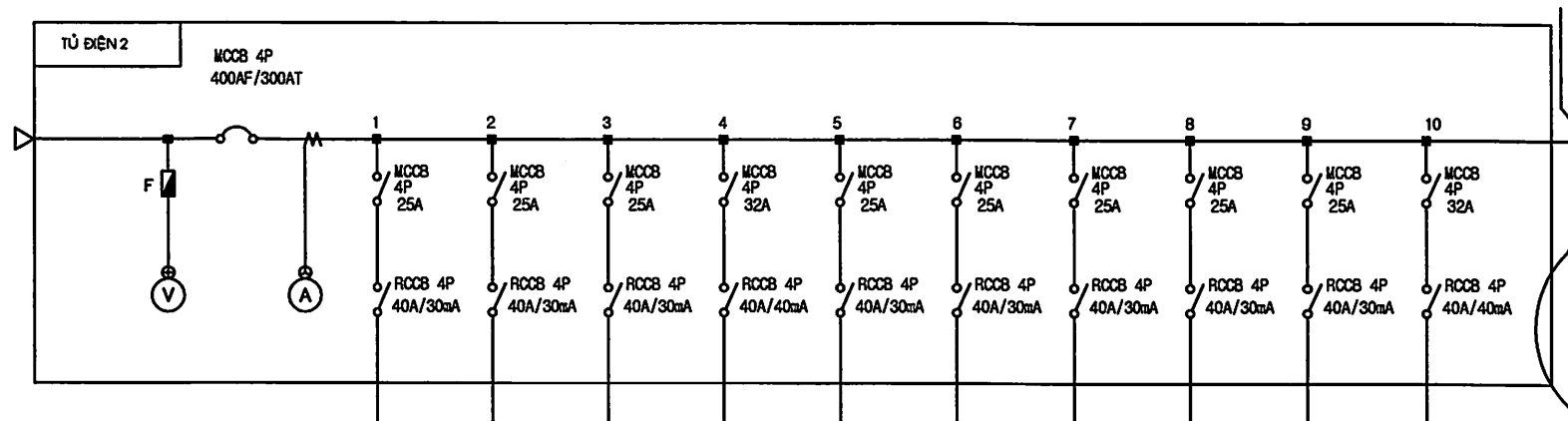
BẢN VẼ

SƠ ĐỒ ĐẦU NỘI ĐIỆN BẾP KHÁCH

HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 06

HOÀN THÀNH : NGÀY



UNIT NO.
LOAD NAME
CABLE SIZE (mm²)
REMARK

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	2(1)	2(2)	3	4(1)	4(1)	4(2)	4(2)	5	6
4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx6mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx6mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx4mm² E4mm²	4x1Cx6mm² E4mm²
BẾP ĐIỆN TỬ 4 VÙNG NẤU	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT LÒM CHẢO UỐN	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT LÒM CHẢO RỜI	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT LÒM CHẢO RỜI	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT LÒM CHẢO RỜI	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT LÒM CHẢO RỜI	BẾP HẦM ĐIỆN TỬ	TỦ CƠM ĐIỆN TỬ

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ 20/1

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

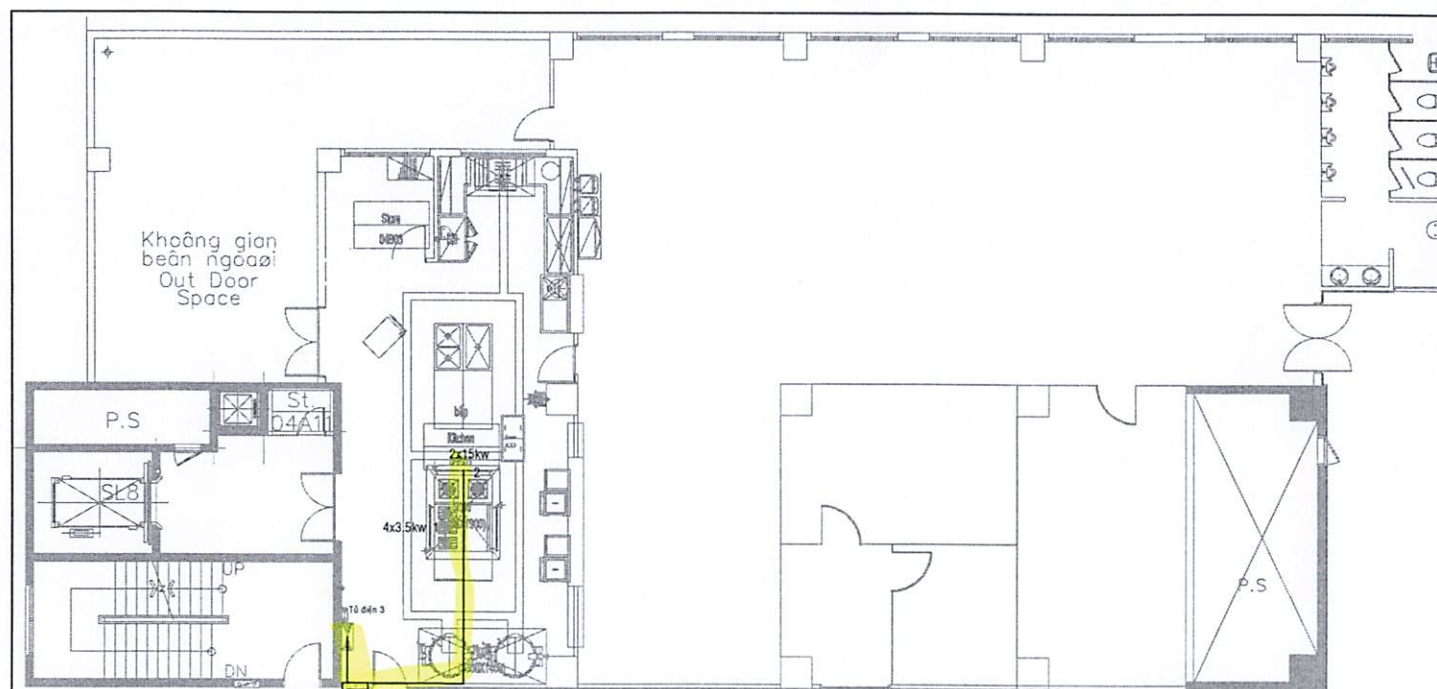
BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẤP NGUỒN
BẾP LẦU 4

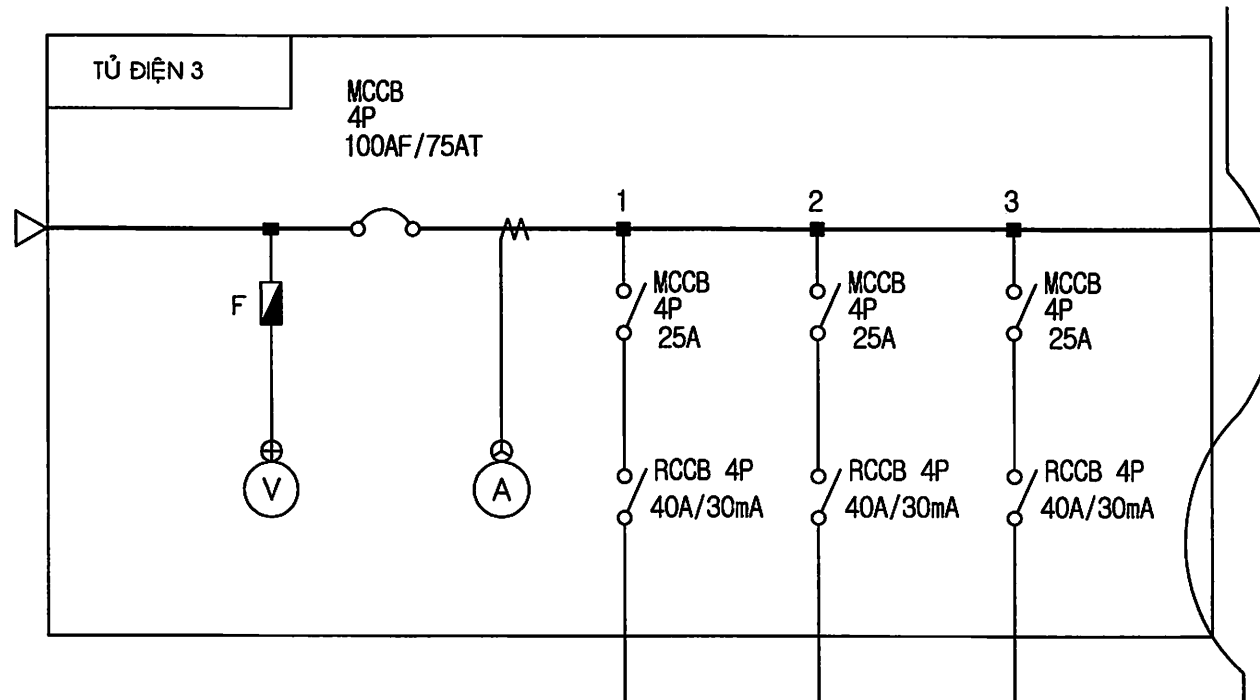
HIỆU CHỈNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 07

HOÀN THÀNH : NGÀY



MẶT BẰNG THI CÔNG CẤP ĐIỆN



UNIT NO.
LOAD NAME
CABLE SIZE (mm ²)
REMARK

1	2	3
1	2(1)	2(2)
4x1Cx4mm ² E4mm ²	4x1Cx4mm ² E4mm ²	4x1Cx4mm ² E4mm ²
BẾP ĐIỆN TỬ 4 VÙNG NẤU	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT PHẪNG	BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN MẶT PHẪNG

DUYỆT

PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BẢN VẼ

SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI ĐIỆN BẾP LẬU 4

HIỆU CHÍNH :

BẢN VẼ SỐ : Đ B - 08

HOÀN THÀNH : NGÀY

BẢNG KHỐI LƯỢNG DÂY ĐIỆN CÁP NGUỒN BẾP							
Bếp	Tên thiết bị	Dây điện	Đvt	Mặt bằng	Xuống tủ điện	Thông tầng	Tổng
Bếp chính lầu 3	Tủ 1	Cáp điện CXV 150mm2	mm	$(54000+21000+23000) \times 4 = 392000$	$2 \times (4 \times 4000) = 32000$	$(4500+22000) \times 4 = 106000$	530,000
		Cáp điện CXV 50mm2	mm	$54000+21000+23000=98000$	$2 \times 4000 = 8000$	$4500+22000=26500$	132,000
	1	Cáp CV 6.0mm2	mm	$18000 \times 4 = 72000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		100,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	18000	$2 \times 3500 = 7000$		25,000
	2(1)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$12000 \times 4 = 48000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		76,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	12000	$2 \times 3500 = 7000$		19,000
	2(2)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$12000 \times 4 = 48000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		76,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	12000	$2 \times 3500 = 7000$		19,000
	2(3)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$12000 \times 4 = 48000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		76,000
		Cáp CV 4.0mm2(PE)	mm	12000	$2 \times 3500 = 7000$		19,000
	2(4)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$12000 \times 4 = 48000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		76,000
		Cáp CV 4.0mm (PE)	mm	12000	$2 \times 3500 = 7000$		19,000
	3	Cáp CV 6.0mm2	mm	$7000 \times 4 = 28000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		56,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	7000	$2 \times 3500 = 7000$		14,000
	4(1)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$2 \times (21000 \times 4) = 168000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		196,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	$2 \times 21000 = 42000$	$2 \times 3500 = 7000$		49,000
	4(2)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$2 \times (19000 \times 4) = 152000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		196,000
		Cáp CV 4.0mm2(PE)	mm	$2 \times 19000 = 38000$	$2 \times 3500 = 7000$		45,000
	4(3)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$2 \times (18000 \times 4) = 144000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		172,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	$2 \times 21000 = 42000$	$2 \times 3500 = 7000$		49,000
	4(4)	Cáp CV 4.0mm2	mm	$2 \times (18000 \times 4) = 144000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		172,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	$2 \times 18000 = 36000$	$2 \times 3500 = 7000$		42,000
	5	Cáp CV 4.0mm2	mm	$7000 \times 4 = 28000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		56,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	7000	$2 \times 3500 = 7000$		14,000
	6(1)	Cáp CV 6.0mm2	mm	$14000 \times 4 = 56000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		84,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	14000	$2 \times 3500 = 7000$		21,000
	6(2)	Cáp CV 6.0mm2	mm	$14000 \times 4 = 56000$	$2 \times (4 \times 3500) = 28000$		84,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	14000	$2 \times 3500 = 7000$		21,000
		Máng cáp 150x100	mm	23000	3500		26,500
		Máng cáp 100x50	mm	14000	3500		17,500

		Máng cáp 50x30	mm	27000	3x3500=10500		37,500
Bếp khách	Tủ điện 2	Cáp điện CXV 50mm2	mm	4500x4=18000	2x(4x3500)=28000		46,000
		Cáp điện CXV 25mm2	mm	4500	2x3500=7000		11,500
	1	Cáp CV 4.0mm2	mm	16000x4=64000	2x(4x3500)=28000		92,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	16000	2x3500=7000		23,000
	2(1)	Cáp CV 4.0mm2	mm	20000x4=80000	2x(4x3500)=28000		108,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	20000	2x3500=7000		27,000
	2(2)	Cáp CV 4.0mm2	mm	20000x4=80000	2x(4x3500)=28000		108,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	20000	2x3500=7000		27,000
	3	Cáp CV 6.0mm2	mm	23000x4=92000	2x(4x3500)=28000		120,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	23000	2x3500=7000		30,000
	4(1)	Cáp CV 4.0mm2	mm	2x(16000x4)=128000	4x(4x3500)=56000		184,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	16000	4x3500=14000		30,000
	4(2)	Cáp CV 4.0mm2	mm	2x(16000x4)=128000	4x(4x3500)=56000		184,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	16000	4x3500=14000		30,000
	5	Cáp CV 4.0mm2	mm	23000x4=92000	2x(4x3500)=28000		120,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	23000	2x3500=7000		30,000
	6	Cáp CV 6.0mm2	mm	15000x4=60000	2x(4x3500)=28000		88,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	15000	2x3500=7000		22,000
		Máng cáp 150x100	mm	6000	2x3500=7000		13,000
		Máng cáp 100x50	mm	16000			16,000
		Máng cáp 50x30	mm	19000	4x3500=14000		33,000
Bếp lẩu 4	Tủ 3	Cáp CV 10mm2	mm	2500x4=10000	2x(4x3500)=28000		38,000
	1	Cáp CV 4.0mm2	mm	10000x4=40000	2x(4x3500)=28000		68,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	10000	2x3500=7000		17,000
	2	Cáp CV 4.0mm2	mm	10000x4=40000	2x(4x3500)=28000		68,000
		Cáp CV 4.0mm2 (PE)	mm	10000	2x3500=7000		17,000
Tổng							
		Tổng số lượng dây 150mm2	mét				530
		Tổng số lượng dây 50mm2	mét				178
		Tổng số lượng dây 25mm2	mét				12
		Tổng số lượng dây 10mm2	mét				38

	Tổng số lượng dây 6mm2	mét				352
	Tổng số lượng dây 4mm2	mét				2,637